TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh
Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ca tham gia phiên tòa : Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp " *Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Tuyết Kh, sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp Rau Dừa C, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh Ch, sinh năm 1990 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Anh Trịnh Việt E, sinh năm 1970 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.
2. Trịnh Th H, sinh năm 1973 (Có mặt)
3. Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.
4. Trần Thị L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.
5. Lê Chí Ng, sinh năm 1972 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp Rau Dừa C, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13.6.2017 và các lời Khi tại Tòa án, tại phiên tòa chị Lê Tuyết Kh (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ch kết hôn ngày 25.10.2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ cH sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu Thẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cự cải do anh Ch không lo làm ăn, gây nợ nần. Chị yêu cầu xin ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 21.9.2011 hiện đang sống với anh Ch. Chị yêu cầu nuôi cháu Đ đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Ch không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Ch có nợ như sau:

* Nợ chị Trịnh Th H 01 chưng hụi là 1.000.000 đồng, đã hốt và còn thiếu 13 lần số tiền 13.000.000 đồng. Nợ ông Trịnh Việt E, 01 chưng hụi 1.000.000 đồng/tháng, còn thiếu 31 lần hụi chết số tiền là 24.000.000 đồng. Phần nợ này chị đồng ý cùng anh Ch chia đôi trả nợ cho ông Việt E và bà H.

* Riêng các khoản nợ chị không đồng ý gồm:

Tôi và anh Ch có vay của chị Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền là 10.000.000 đồng và chị Trần Thị L số tiền là 5.000.000 đồng. Sau khi vay tôi và anh Ch trực tiếp trả xong cho chị Th và chị L, tiền trả là tiền chung vợ cH. Tôi không đồng ý trả cho anh Ch số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 30.6.2016 chị có lấy số tiền chung của vợ chồng là 10.000.000 đồng gởi cho anh Huỳnh Hồ Đức Minh để mua nước hoa và giày về bán. Chị có nói với anh Ch và được anh Ch đồng ý nên chịkhông đồng ý trả cho anh Ch.

Chị không lấy của anh Ch số vàng là 02 (Hai) chỉ vàng 24k đưa cho cha ruột là ông Lê Chí Ng và tháng 7 năm 2016 chị không lấy của anh Ch số tiền là 20.000.000 đồng nên không đồng ý trả lại cho anh Ch.

Chị hốt hụi riêng mua được 06 chiếc vòng ximen vàng 18k, không phải của anh Ch và cũng không phải 02 bộ vòng ximen vàng 18k. Sau đó, chi xài trong gia đình không có tiền nên bán. Do đó, chị không đồng ý trả lại cho anh Ch bộ vòng ximE giá trị là 14.000.000 đồng.

Ngày 30.8.2016 khi sống ly thân chị có lấy 01 cái điện thoại hiệu IPHONE 5s của anh Ch để bán lấy tiền đi. Anh Ch mua trả góp của hai vợ cH làm đóng tiền nên không đồng ý trả lại cho anh Ch là 8.600.000 đồng.

- *Tại các lời Khi tại Tòa án, tại phiên tòa anh Trần Minh Ch (Bị đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Kh kết hôn ngày 25.10.2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước , huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ cH không có mâu Thẫn nhưng do chị Kh gây nợ nần vì đE về nhà cha mẹ ruột, sau đó chị Kh bỏ đi làm, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng chị Kh không đồng ý tiếp tục chung sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn với chị Kh.

Về con chung: Anh và chị Kh có con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 21.9.2011 hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu nuôi cháu Đ đến tuổi thành niên và không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Kh không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

* Anh và chị Kh có nợ chung như sau:

Nợ hụi là chị Trịnh Th H 01 chưng hụi là 1.000.000 đồng, đã hốt hụi và còn thiếu 13 lần số tiền 13.000.000 đồng.

Nợ hụi của ông Trịnh Việt E 01 chưng hụi 1.000.000 đồng/tháng, còn thiếu 31 lần hụi chết số tiền là 24.000.000 đồng.

Phần nợ này tôi yêu cầu tôi và chị Kh chia đôi trả nợ cho ông Việt E và bà H.

* Trong thời kỳ hôn nhân, lúc vợ cH còn chung sống với nhau thì chị Kh tự mượn nợ tôi đã trả xong nên yêu cầu chị Kh trả lại toàn bộ cho tôi gồm các khoản sau:

Do chị Kh tự đi mượn nợ chị Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền là 10.000.000 đồng và chị Trần Thị L số tiền là 5.000.000 đồng. Sau đó anh đã trả xong cho chị Th và chị L.

Ngày 30.6.2016 chị Kh lấy của anh số tiền là 10.000.000 đồng gửi cho Huỳnh Hồ Đức Minh không biết địa chỉ. Chị Kh không nói với anh và sau đó bỏ nhà đi.

Tháng 1 năm 2017 chị Kh lấy của tôi 02 (Hai) chỉ vàng 24k đưa cho cha ruột chị Kh là ông Lê Chí Ng tháng 7 năm 2016 chị Kh lấy của anh số tiền là 20.000.000 đồng. Chị Kh bán 02 bộ vòng ximen vàng 18k không nhớ trọng lượng, giá trị là 14.000.000 đồng.

Ngày 30.8.2016 chị Kh lấy 01 điện thoại hiệu IPHONE 5s của anh, mua tháng 6 năm 2016 giá trị là 8.600.000 đồng.

- *Theo anh Trịnh Việt E trình bày*: Vợ cH anh Ch và chị Kh có chơi hụi do tôi làm chủ hụi, hụi 1.000.000 đồng/tháng, đã hốt hụi nhưng còn thiếu 24 lần số tiền là 24.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị Kh, anh Ch có nghĩa vụ chia đôi trả số tiền hụi là 24.000.000 đồng.

- *Theo chị Trịnh Th H trình bày*: Vợ cH anh Ch và chị Kh có chơi hụi do tôi làm chủ hụi, hụi 1.000.000 đồng/tháng. Chị Kh và anh Ch hốt hụi nhưng còn thiếu tôi 13 lần số tiền là 13.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Kh, anh Ch có nghĩa vụ chia đôi trả số tiền hụi là 13.000.000 đồng.

- *Theo ông Lê Chí Ng trình bày*: Tôi không có nhận số vàng 02 (Hai) chỉ vàng 24k từ chị Kh và anh Ch. Nay ông không đồng ý trả cho anh Ch số vàng là 02 chỉ vàng 24k.

- *Tại các lời Khi tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày*: Trong thời gian chung sống chị Kh có vay của chị số tiền là 10.000.000 đồng. Chị Kh vay để cho cha mẹ rượt mua thức ăn tôm và anh Ch không biết. Sau khi vay chị Kh không trả vốn lãi nên chị thông báo cho anh Ch biết và anh Ch đã trả xong . Nay chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

- *Tại các lời Khi tại Tòa án, chị Trần Thị L trình bày*: Trong thời gian chung sống chị Kh có mượn của chị số tiền là 5.000.000 đồng và anh Ch mượn chị là 5.000.000 đồng. Sau khi vay chị Kh không trả vốn lãi nên anh Ch đã trả cho chị số tiền là 8.000.000 đồng, trong đó có trả cho chị Kh là 3.000.000 đồng. Nay chị không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Th và chị Trần Thị L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị Th và chị L biết về việc chị Kh và anh Ch yêu cầu xin ly hôn; con chung; tài sản chung và nợ chung không có nhưng chị Th và chị L không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập chị Th và chị L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Khi chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị Th và chị L vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Khi chứng cứ và hòa giải đối với chị Th và chị L được. Tòa án triệu tập chị Th và chị L tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị Th và chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và chị L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật về tố tụng giải quyết vụ án phát biểu việc tiến hành lập hồ sơ vụ án, tiến hành hòa giải các đương sự, triệu tập những người tham gia phiên tòa, tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ việc dân sự đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Áp dụng các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Tuyết Kh được ly hôn với anh Trần Minh Ch; giao cháu Trần Minh Đ cho anh Ch chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Kh không phải cấp dưỡng nuôi con; công nhận sự tự Ng của chị Kh và anh Ch: Chị Kh đồng ý trả cho Trịnh Th H số tiền là 13.000.000 đồng; anh Ch đồng ý trả cho Trịnh Việt E số tiền 24.000.000 đồng. Chị Kh phải trả cho anh Ch số tiền 20.000.000 đồng. Bác yêu cầu anh Ch đối với chị Kh số tiền 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 24k và 01 bộ vòng xi men trị giá 14.000.000 đồng.

Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xE xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Kh và anh Ch kết hôn ngày 25.10.2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nước , huyện C, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Kh và anh Ch được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại phiên tòa chị Kh trình bày giữa vợ cH có nhiều mâu Thẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, mâu Thẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Phía anh Ch không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Kh và anh Ch xác định vợ chồng có nhiều mâu Thẫn, từ khi ly thân đến nay giữa vợ cH vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ cH, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu Thẫn vợ cH đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Kh được ly hôn với anh Ch theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị Kh và anh Ch có con chung là Trần Minh Đ , sinh ngày 21.9.2011, hiện đang sống v ới anh Ch. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đạt sống với anh Ch đã ổn định, anh Ch có đầy đủ điều kiện nuôi dạy tốt. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho anh Ch tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xE xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Kh và anh Ch thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE xét.

[4] *Về nợ chung*: Chị Kh và anh Ch thừa nhận có nợ của chị Trịnh Th H số tiền hụi là 13.000.000 đồng và anh Trịnh Việt E số tiền hụi là 24.000.000 đồng. Đối với hai khoản tiền này chị Kh và anh Ch thống nhất trả như sau: Chị Kh trả cho chị H là 13.000.000 đồng; anh Ch trả cho anh Việt E số tiền 24.000.000 đồng đã được chị H và anh Việt E đồng ý. Xét thấy, việc tự thỏa Thận này là hoàn toàn tự Ng, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số nợ của _chị Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền là 10.000.000 đồng và chị Trần Thị L số tiền là 5.000.000 đồng. Sau đó anh Ch đã trả xong cho chị Th và trả chị L số tiền là 3.000.000 đồng nên yêu cầu chị Kh trả lại, phía chị Kh không

đồng ý vì cho rằng chị và anh Ch cùng trả. Tại biên bản làm việc của Tòa án , chị Th và chị L xác định do chị Kh trực tiếp vay mượn, để sử dụng mục đích cá nhân, sau khi chị Kh không trả vốn lãi thì thông báo cho anh Ch và anh Ch đã trả xong cho chị Th và trả chị L số tiền là 3.000.000 đồng nên không yêu cầu . Xét thấy, khoản nợ của chị Th và chị L do chị Kh trực tiếp vay mượn để chi xài cá nhân, anh Ch đã trả lại xong nên cần buộc chị Kh có nghĩa vụ trả cho anh Ch số tiền là 13.000.000 đồng là có cơ sở.

Anh Ch cho rằng tháng 1 năm 2017 chị Kh lấy của anh số vàng là 02 (Hai) chỉ vàng 24k đưa cho cha chị Kh là ông Lê Chí Ng. Chị Kh cho rằng không lấy 02 chỉ vàng 24k cho ông Nguyên . Đồng thời, phía ông Nguyện không thừa nhận có nhận số vàng 02 (Hai) chỉ vàng 24k từ chị Kh và anh Ch nên không đồng ý trả cho anh Ch số vàng là 02 chỉ vàng 24k. Phía anh Ch không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc chị Kh lấy tài sản của anh là 02 chỉ vàng 24k cho ông Nguyên mượn nên không chấp nhận yêu cầu của anh Ch về việc yêu cầu chị Kh trả lại 02 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, anh Ch cho rằng vào tháng 7 năm 2016 chị Kh lấy của anh số tiền là 20.000.000 đồng và bán 02 bộ vòng ximen vàng 18k không nhớ trọng lượng, giá trị là 14.000.000 đồng. Phía chị Kh cho rằng không lấy của anh Ch số tiền là 20.000.000 đồng và chị hốt hụi mua 06 chiếc vòng ximen nhưng gia đình không có tiền nên đã bán chi xài chung trong gia đình. Phía anh Ch không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên không chấp nhận yêu cầu của anh Ch về việc yêu cầu chị Kh trả lại số tiền 20.000.000 đồng và 02 bộ vòng ximE giá trị là 14.000.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại hiệu IPHONE 5s anh Ch và chị Kh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng , mua tháng 6 năm 2016 giá trị là 8.600.000 đồng, đến ngày 30.8.2016 chị Kh lấy điện thoại đi bán giá 4.000.000 đồng. Việc này anh Ch và chị Kh đồng ý giá trị hiện nay 4.000.000 đồng nên cần buộc chị Kh trả lại cho anh Ch ½ giá tri điện thoại số tiền là 2.000.000 đồng.

Chị Kh và anh Ch thống nhất ngày 30.6.2016 chị Kh lấy số tiền là 10.000.000 đồng gửi cho anh Huỳnh Hồ Đức Minh. Chị Kh cho rằng anh Ch biết việc này, chị gửi tiền cho anh Minh để mua nước hoa và giày về bán nên không đồng ý trả cho anh Ch. Anh Ch biết việc chị Kh gửi số tiền này cho anh Minh nên yêu cầu chị Kh trả lại . Phía chị Kh xác định có gử i cho anh Minh số tiền là 10.000.000 đồng nên cần buộc chị Kh có nghĩa vụ trả lại cho anh Ch số tiền là 5.000.000 đồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Kh phải chịu là 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm : Chị Lê Tuyết Kh phải chịu là: 28.000.000 đồng x 5% = 1.400.000 đồng; Anh Trần Minh Ch phải chịu là: 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Tuyết Kh được ly hôn với anh Trần Minh Ch.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 21.9.2011 cho anh Trần Minh Ch được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Lê Tuyết Kh không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Tuyết Kh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Công nhận sự tự nguyên thỏa Thận của chị Lê Tuyết Kh và anh Trần Minh Ch trả nợ cho chị Trịnh Th H và anh Trịnh Việt E:

Buộc chị Lê Tuyết Kh có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Th Hồng số tiền là 13.000.000 đồng; Buộc anh Trần Minh Ch có nghĩa vụ trả cho anh Trịnh Việt E số tiền là 24.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Trần Minh Ch đối với chị Lê Tuyết Kh.

Buộc chị Lê Tuyết Kh có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Minh Ch tổng cộng số tiền là 20.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của anh Trần Minh Ch về việc yêu cầu chị Lê Tuyết Kh trả lại 02 chỉ vàng 24k, số tiền là 20.000.000 đồng và 01 bộ vòng xim E trị giá là 14.000.000 đồng.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê Tuyết Kh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.400.000 đồng. Chị Kh được đối trừ số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai Th tiền số 0004151 ngày 12.02.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị Kh phải tiếp tục nộp án phí số tiền là 1.400.000 đồng.

Buộc anh Trần Minh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có gia ngạch là 1.550.000 đồng, được đối trừ số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 667.500 đồng theo

biên lai Th tiền số 0003762 ngày 30.8.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh Ch phải tiếp tục nộp án phí số tiền là 882.500 đồng.

Anh Trịnh Việt E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo biên lai Th tiền số 0003760 ngày 30.8.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Trịnh Th H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 325.000 đồng theo biên lai Th tiền số 0003761 ngày 30.8.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công Kh, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Th, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công Khi bản án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND thị trấn C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS- VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính